TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:119/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 14/12/2018
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thanh Toàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Thanh Bình.**

2. Bà **Phạm Hồng Gái.**

Thư ký tòa án ghi Biên bản phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Hồng Điệp** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 387/2018/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 9 năm 2018 về việc " Xin Ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018.

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Kim T,** Sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 9 ấp Ngã Tư, xã Thuận Yên, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T 2**, Sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Số 8, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và tại phiên Tòa hôm nay chị Bùi Thị Kim T trình bày:

Chị Bùi Thị Kim T vá anh Nguyễn Văn T 2 tự nguyện yêu thương nhau sau đó được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1996 sau đó có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 11 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đã có với nhau một người con chung là cháu Nguyễn Thanh Tuấn, sinh năm 1997, cháu Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2001. Sau thời gian sống chung thì anh T 2 nhậu nhẹt về hay đánh đập vợ con. Từ đó hai vợ chồng không còn sống chung và đã ly thân nhau 10 năm nay. Nay chị T không còn thương yêu gì anh T 2 nữa. nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T 2.

Về con chung: Chị T và anh T 2 có hai người con chung là Nguyễn Thanh Tuấn, sinh năm 1997, Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2001. Hiện tại thì cháu Nguyễn Thanh Tuấn đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu Nguyễn Thị Huỳnh Như thì chị T yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng việc nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ: Không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T không trình bày gì thêm.

Bị đơn tại phiên Tòa anh Nguyễn Văn T 2 vắng mặt nhưng tại các buổi hòa giải anh T 2 trình bày:

Anh T 2 và chị T tự nguyện yêu thương nhau sau đó được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1996 có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 11 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đã có với nhau hai người con như vợ anh trình bày là đúng, Nhưng cách đây khoảng 10 năm thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị T có quan hệ với người đàn ông khác nên hai vợ chồng sống ly thân cho tới nay. Khi ly thân thi hai vợ chồng cuộc sống của ai người ấy tự lo không quan tâm gì tới nhau nữa.

Về hôn nhân gia đình: Chị Bùi Thị Kim T xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T 2 thì anh T 2 không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thanh Tuấn, sinh năm 1997, Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2001. Hiện tại các con đã lớn theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng có tài sản chung là diện tích đất nông nghiệp nhưng nếu chị T không thừa nhận tài sản chung thì anh Nguyễn Văn T 2 cũng thừa nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho vay nợ: Không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh Nguyễn Văn T 2 không trình bày gì thêm.

Tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án còn để kéo dài so với quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa Sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. chấp nhận các yêu cầu cảu chị Bùi Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Toà, Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ vào Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Mặc dù Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Nguyễn Văn T 2 vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng đối với anh Nguyễn Văn T 2 theo quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim T và Nguyễn Văn T 2 lấy nhau là do yêu thương, sau đó tổ chức đám cưới vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận, nhưng trong quá trình chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đã chính thức ly thân nhau hơn 10 năm nay, từ khi vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau, thì cuộc sống chung của vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, hơn nữa qua những lần hòa giải cũng như tại phiên Tòa hôm nay chị Bùi Thị Kim T đều trình bày chị không còn tình cảm, yêu thương và không thể hàn gắn chung sống với anh Nguyễn Văn T 2 được nữa, nên chị T yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị Bùi Thị Kim T và anh Nguyễn Văn T 2 không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như những nghĩa vụ sống chung với nhau không còn đảm bảo, được quy định tại điều 19 luật hôn nhân gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ cho rằng hôn nhân giữa chị T và anh T 2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Kim T và không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Nguyễn Văn T 2.

[3] Xét về con chung: Chị Bùi Thị Kim T và anh Nguyễn Văn T 2 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh Tuấn, sinh năm 1997, Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2001. Hiện tại thì cháu Nguyễn Thanh Tuấn đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2001 thì chị T yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử thấy từ khi ly thân nhau đến nay cháu Như là do chị T nuôi dưỡng, nên chấp nhận giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh Như cho chị T nuôi.

[4] Xét về quan hệ tài sản chung của vợ chồng: Chị Bùi Thị Kim T và anh Nguyễn Văn T 2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ và cho vay nợ: Chị Bùi Thị Kim T và anh Nguyễn Văn T 2 trình bày vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét các yêu cầu cảu đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định cảu pháp luật,nên chấp nhận

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Thì chị Bùi Thị Kim T phải chịu án phí là Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Kim T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T 2.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T 2.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh Như cho chị Bùi Thị Kim T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng việc nuôi con: Chị Bùi Thị Kim T không yêu cầu cấp dưỡng việc nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về quyền thăm nom chăm sóc con chung: Anh Nguyễn Văn T 2 có quyền, chị Bùi Thị Kim T cũng như những người khác không ai được quyền cấm cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Bùi Thị Kim T và anh Nguyễn Văn T 2 không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ và cho vay nợ: Chị Bùi Thị Kim T và anh Nguyễn Văn T 2 không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Bùi Thị Kim T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) T 2 án phí, nhưng được đối trừ vào T 2 tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0009086 ngày 18 tháng 9 năm 2018 số T 2 theo biên lai là 300.000đ. Như vậy chị Bùi Thị Kim T đã nộp xong án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn T 2 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh KG;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Trương Thanh Toàn